

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ  
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15a /QĐ-MNHH

Mường Thanh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2024, năm học 2023 - 2024

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 14/6/2019 của Bộ Giáo dục ban hành điều lệ trường mầm non, quy định nhiệm vụ quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 26/03/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2024(Năm học 2023-2024);

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán Trường mầm non Hoa Hồng.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2024(Năm học 2023-2024);

Thời gian công khai: Từ ngày 15/04/2024 đến ngày 05/05/2024.

Hình thức công khai: Bảng tin trường, Website trường.

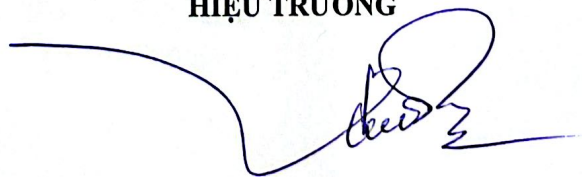
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày kí.

**Điều 3.** Ban giám hiệu, các tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, trưởng các đoàn thể, Bộ phận kế toán, Tổ công khai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Số: 616 /QĐ-UBND

Điện Biên Phủ, ngày 26 tháng 3 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2024, năm học 2023-2024

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ vào Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Xét đề nghị của Trường phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ tại Tờ trình số 84/TTr – PGDDT, ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc đề nghị phê duyệt danh sách học sinh được thụ hưởng các chế độ chính sách từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2024, năm học 2023-2024.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2024, năm học 2023-2024.

*(Có biểu tổng hợp và danh sách chi tiết kèm theo).*

Tổng số học sinh và kinh phí cụ thể như sau:

1. Tổng số học sinh: 469 học sinh trong đó

Học sinh 3- 4 tuổi: 286 học sinh

Học sinh 5 tuổi: 183 học sinh

2. Tổng số tiền chi hỗ trợ ăn trưa và tổ chức nấu ăn là: 435.200.000 đồng  
(Số tiền bằng chữ: Bốn trăm ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng chẵn). Trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa: 375.200.000 đồng

+ Kinh phí tổ chức nấu ăn: 60.000.000 đồng



**Điều 2.** Giao Trường phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ phối hợp với UBND các xã có các trường Mầm non chỉ đạo các trường tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ cho học sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND; Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ, Chủ tịch UBND các xã, Hiệu trưởng các trường Mầm non và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. HĐNDTP (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND TP( b/c);
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đào Hoài Nam**



|                                      |                     |            |            |      |   |   |    |   |   |    |    |       |               |                         |                   |
|--------------------------------------|---------------------|------------|------------|------|---|---|----|---|---|----|----|-------|---------------|-------------------------|-------------------|
| 5                                    | Giảng Thế Vinh      | 05/6/2018  | Lớn 3      | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8900205209052 | Argibank tỉnh DB        | Thảo Thị Sơ       |
| 6                                    | Sùng A Chú          | 28/11/2018 | Lớn 5      | 0,16 |   | 1 |    |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8900215087994 | Argibank tỉnh DB        | Quảng Thị Hươi    |
| 7                                    | Sùng A Phong        | 06/03/2018 | Lớn 5      | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8900215088294 | Argibank tỉnh DB        | Lò Thị Thành      |
| 8                                    | Mùa Thị Thọ         | 03/02/2018 | Lớn 5      | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8900215087994 | Argibank tỉnh DB        | Quảng Thị Hươi    |
| 9                                    | Cử Thị Mai Phương   | 04/04/2018 | Lớn 5      | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8900215026029 | Argibank tỉnh DB        | Cử A Khua         |
| 10                                   | Thảo A Lý           | 30/10/2018 | Lớn 5      | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8900205211938 | Argibank tỉnh DB        | Nguyễn Thị Sư     |
| <b>9. Trường MN 20/10</b>            |                     |            |            | 0,16 | 0 | 1 | 0  | 0 | 0 | 1  | 5  | 0,80  |               |                         |                   |
| 1                                    | Hạng Ngọc Linh      | 19/6/2018  | MG Lớn D1  | 0,16 |   | 1 |    |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 360020932     | BIDV                    | Khánh Mai Thu     |
| <b>10. Trường MN Hoa Hồng</b>        |                     |            |            |      | 0 | 0 | 1  | 0 | 0 | 1  | 5  | 0,80  |               |                         |                   |
| 1                                    | Trần Đức Anh        | 19/8/2018  | MG Lớn 2   | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 3600851877    | BIDV                    | Lò Thị Nhân       |
| <b>11. Trường MN HOA BAN</b>         |                     |            |            | 0,16 | 0 | 1 | 0  | 0 | 0 | 1  | 5  | 0,80  |               |                         |                   |
| 2                                    | Nguyễn Quang Hải    | 02/2/2018  | MG Lớn D2  | 0,16 |   | 1 |    |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 3600415431    | BIDV                    | Hà Thị Thảo       |
| <b>12. Trường MN Hoa Mơ</b>          |                     |            |            |      | 0 | 0 | 1  | 0 | 0 | 1  | 5  | 0,80  |               |                         |                   |
| 1                                    | Quảng Bảo Hân       | 17/6/2018  | D1         | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 106870292257  | Vietinbank              | Nguyễn Thị Lệ Chi |
| <b>13. Trường MN Nam Thanh</b>       |                     |            |            |      | 0 | 0 | 3  | 0 | 1 | 4  | 20 | 3,20  |               |                         |                   |
| 1                                    | Bùi Nam Nguyễn      |            | MG Lớn 1   | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8808123666    | BIDV DB                 | Bùi Thị Thảo      |
| 2                                    | Lê Hà Anh Thư       |            | MG Lớn 1   | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8900205176842 | Argibank tỉnh DB        | Hà Thị Toàn       |
| 3                                    | Sùng Hà Thảo Nhi    |            | MG Lớn 3   | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 103001456776  | Vietinbank DB           | Hà Thị Hạnh       |
| 4                                    | Tô Tuấn Kiệt        |            | MG Lớn 4   | 0,16 |   |   |    |   | 1 | 1  | 5  | 0,80  | 103879294561  | Vietinbank DB           | Tô Văn Thánh      |
| <b>14. Trường MN Hoa Sen</b>         |                     |            |            | 0,16 | 0 | 0 | 1  | 0 | 0 | 1  | 5  | 0,80  |               |                         |                   |
| 1                                    | Mùa Trúc Diệp       | 25/04/2018 | MG Lớn A   | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8912205121246 | AgriBank                | Lầu Thu Phương    |
| <b>15. Trường MN Noong Bua</b>       |                     |            |            | 0,16 | 0 | 0 | 5  | 0 | 0 | 5  | 25 | 4,00  |               |                         |                   |
| 1                                    | Vũ Bảo Châu         | 05/07/2018 | MG lớn D1  | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 102877442295  | Vietinbank              | Lò Quỳnh Hương    |
| 2                                    | Sùng Thị Thanh Minh | 26/03/2018 | MG lớn D1  | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 108875091205  | Vietinbank              | Sùng A Thu        |
| 3                                    | Mùa Kim Anh         | 08/02/2018 | MG lớn D2  | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 104880612672  | Vietinbank              | Hà Thị kếnh       |
| 4                                    | Vàng Thứ Trương     | 01/03/2018 | MG lớn D2  | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 107874831598  | Vietinbank              | Lầu Thị Nénh      |
| 5                                    | Đỗ Phương Ánh Dương | 15/01/2018 | MG lớn D2  | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 104005603806  | Vietinbank              | Vương Thị Hòa     |
| <b>16. Trường MN số 2 xã Nà Nhạn</b> |                     |            |            | 0,16 | 0 | 1 | 15 | 0 | 0 | 16 | 80 | 12,80 |               |                         |                   |
| 1                                    | Vàng Thị Bình An    | 16/1/2018  | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 109876970061  | viettinbank             | Phá Thị Chu       |
| 2                                    | Tráng Quốc Bảo      | 17/4/2018  | NGL Nà Pen | 0,16 |   | 1 |    |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 774351735     | VIB (NHTMCP QUOC TE VN) | Mùa Thị Văn       |
| 3                                    | Giảng Huy Nam       | 01/09/2018 | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 2142402992    | BIDV                    | Giảng A Dế        |
| 4                                    | Vàng Ngọc Dũng      | 04/09/2018 | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 054063160001  | Liên việt postbank      | Vàng A Hồng       |
| 5                                    | Vàng Thị Hà         | 05/07/2018 | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 3600924706    | BIDV                    | Vàng A Đồng       |
| 6                                    | Vàng A Chí          | 29/11/2018 | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8912281008607 | Agribank TP ĐBP         | Chá Thị Dia       |
| 7                                    | Vàng Thị Ngọc Dung  | 16/5/2018  | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 3131670789    | BIDV                    | Vàng A Thénh      |
| 8                                    | Vừ Thị Kim Ninh     | 08/03/2018 | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 0369450486    | MB                      | Lường Thị Ngoan   |
| 9                                    | Vàng Thị Kim Oanh   | 29/6/2018  | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 2142282769    | BIDV                    | Vàng A Bái        |
| 0                                    | Vàng Minh Đức       | 07/02/2018 | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 8903205167200 | Agribank Huyện DB       | Vàng Sinh Pó      |
| 1                                    | Vàng Minh Quân      | 14/7/2018  | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 2142282769    | BIDV                    | Vàng A Bái        |
| 2                                    | Vàng Hữu Đạt        | 08/12/2018 | NGL Nà Pen | 0,16 |   |   | 1  |   |   | 1  | 5  | 0,80  | 2142282732    | BIDV                    | Chá Thị Thanh     |